

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2025/DS-ST
Ngày 03 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trung H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khóm G, xã C, tỉnh Cà Mau, theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2025, (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Hiền M (vắng mặt).

2. Ông Tô Bảo S (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà D có tham gia các dây hui do bà M làm chủ hui cụ thể:

- Dây hui thứ nhất mở ngày 29/5/2022 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, có 28 chung, mỗi tháng khai 01 lần, bà D tham gia 01 chung, trong giấy hui ghi tên

hội viên là cô D, đã đóng được 21 lần, đến lần thứ 22 thì bà M ngưng gom hội, số tiền bà M nợ là 21 lần x 2.000.000 đồng = 42.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai mở ngày 06/01/2023 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, có 24 chung, mỗi tháng khui 01 lần, bà D tham gia 01 chung, trong giấy hội ghi tên hội viên là mợ D, chung hội này đã mãn nhưng bà M không chung hội cho bà D, số tiền bà M nợ là 23 lần x 2.000.000 đồng = 46.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba mở ngày 09/3/2023 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, có 36 chung, mỗi tháng khui 01 lần, bà D tham gia 01 chung, đã đóng được 18 lần, đến lần thứ 19 thì bà M ngưng gom hội, số tiền bà M nợ là 18 lần x 1.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư mở ngày 20/3/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, có 36 chung, mỗi tháng khui 01 lần, bà D tham gia 02 chung, trong giấy hội ghi tên hội viên mợ D, đã đóng được 18 lần, đến lần thứ 19 thì bà M ngưng gom hội, số tiền bà M nợ là 18 lần x 1000.000 đồng x 02 chung = 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hội là: 143.000.000 đồng.

Sau đó bà M có vay của bà D số tiền là 15.000.000 đồng.

Đến ngày 26/11/2024, bà D và bà M chốt nợ với nhau thì bà M có viết biên nhận nợ bà D tổng số tiền 115.000.000 đồng, trong đó nợ hội 100.000.000 đồng, nợ vay là 15.000.000 đồng. Bà M cam kết mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng đến nay không trả như đã cam kết, bà D đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà M không trả, do ông Tô Bảo S là chồng của bà M nên cùng có trách nhiệm trả nợ với bà M.

Nay bà D yêu cầu ông S, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền 115.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền hội là 100.000.000 đồng, rút lại yêu cầu trả 15.000.000 đồng tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay là 15.000.000 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các hợp đồng hùn vốn ngày 20/3/2023 âm lịch, ngày 06/01/2023, ngày 29/5/2022 âm lịch, phù hợp với biên nhận ngày 26/11/2024, do đó có cơ sở xác định nguyên đơn có tham gia các dây hui do bị đơn làm chủ hui. Theo nguyên đơn xác định sau khi hai bên chốt nợ ngày 26/11/2024 thì bị đơn không trả nợ thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ông S có nghĩa vụ trả nợ cùng bà M do quá trình giao dịch hui ông S và bà M là vợ chồng, ông S không có ý kiến gì, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại số tiền đã dự nộp.
- Bị đơn phải chịu 5.000.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Hiền M và ông Tô Bảo S trả số tiền vay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Bà D có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D.

Buộc bà Nguyễn Hiền M và ông Tô Bảo S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị D số tiền hui là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời

gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà D không phải chịu, hoàn trả lại cho bà D 2.875.000 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011262 ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau.

- Bà M, ông S phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

